Chi tiết mã HS 9606.10.90

Mã HS	9606.10.90
Mô tả hàng hóa	Khuy, khuy dập, khuy bấm và khuy tán bấm, lõi khuy (loại khuy bọc) và các bộ phận khác của các mặt hàng này; khuy chưa hoàn chỉnh (button blank) / - Khuy dập, khuy bấm và khuy tán bấm và bộ phận của chúng: / - - Loại khác
Đơn vị	kg/chiếc
Thời điểm tạo	09/11/2026 04:30:17
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/96061090/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	37.5	37,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K18885
Thuế NK ưu đãi (MFN)	25	25%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N18885
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q18885
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0 (-KH)	0% (trừ KH)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	12,5	12,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	12,5	12,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	12,5	12,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
RCEP (Phụ lục E)	12,5	12,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	12,5	12,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	13,6	13,6%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	14.3	14,3%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
AHKFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
AIFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E18147
ATIGA	2022	2022	0	AT!E18076
ATIGA	2023	2023	0	AT!F18076
ATIGA	2024	2024	0	AT!G18076
ATIGA	2025	2025	0	AT!H18076
ATIGA	2026	2026	0	AT!I18076
ATIGA	2027	2027	0	AT!J18076
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	2	AJ!E18132
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F18132
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G18132

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H18132
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I18132
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J18132
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E18133
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F18133
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G18133
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H18133
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I18133
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J18133
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		5	AK!F18138
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H18095
AIFTA	30/12/2022	2022	*	AI!F18090
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	*	AI!G18090
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	*	AI!H18090
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	*	AI!I18090
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	*	AI!J18090
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	*	AI!K18090
VKFTA	2022	2022	5	VK!E18138
VKFTA	2023	2023	2,5	VK!F18138
VKFTA	2024	2024	0	VK!G18138
VKFTA	2025	2025	0	VK!H18138
VKFTA	2026	2026	0	VK!I18138
VKFTA	2027	2027	0	VK!J18138
VCFTA	2022	2022	5	VC!D18202
VCFTA	2023	2023	2	VC!E18202
VCFTA	2024	2024	0	VC!F18202

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2025	2025	0	VC!G18202
VCFTA	2026	2026	0	VC!H18202
VCFTA	2027	2027	0	VC!I18202
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D18176
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E18176
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F18176
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G18176
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H18176
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I18176
AHKFTA	2022	2022	*	AKH!D18169
AHKFTA	2023	2023	*	AKH!E18169
AHKFTA	2024	2024	*	AKH!F18169
AHKFTA	2025	2025	*	AKH!G18169
AHKFTA	2026	2026	*	AKH!H18169
AHKFTA	2027	2027	*	AKH!I18169
EVFTA	2022	2022	6,2	EV-NK!D18199
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E18199
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F18199
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G18199
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H18199
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I18199
UKVFTA	2022	2022	6,2	UKV!D18198
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E18198
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F18198
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G18198
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H18198

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I18198
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D18292
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E18292
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F18292
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G18292
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H18292
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I18292
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J18292
RCEP A	2022	2022	22,5	RCEPT-A!D18163
RCEP A	2023	2023	20	RCEPT-A!E18163
RCEP A	2024	2024	17,5	RCEPT-A!F18163
RCEP A	2025	2025	15	RCEPT-A!G18163
RCEP A	2026	2026	12,5	RCEPT-A!H18163
RCEP A	2027	2027	10	RCEPT-A!I18163
RCEP B	2022	2022	22,5	B!D18163
RCEP B	2023	2023	20	B!E18163
RCEP B	2024	2024	17,5	B!F18163
RCEP B	2025	2025	15	B!G18163
RCEP B	2026	2026	12,5	B!H18163
RCEP B	2027	2027	10	B!I18163
RCEP C	2022	2022	22,5	C!D18161
RCEP C	2023	2023	20	C!E18161
RCEP C	2024	2024	17,5	C!F18161
RCEP C	2025	2025	15	C!G18161
RCEP C	2026	2026	12,5	C!H18161
RCEP C	2027	2027	10	C!I18161

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2022	2022	22,7	D!D18160
RCEP D	2023	2023	20,5	D!E18160
RCEP D	2024	2024	18,2	D!F18160
RCEP D	2025	2025	15,9	D!G18160
RCEP D	2026	2026	13,6	D!H18160
RCEP D	2027	2027	11,4	D!I18160
RCEP E	2022	2022	22,5	E!D18165
RCEP E	2023	2023	20	E!E18165
RCEP E	2024	2024	17,5	E!F18165
RCEP E	2025	2025	15	E!G18165
RCEP E	2026	2026	12,5	E!H18165
RCEP E	2027	2027	10	E!I18165
RCEP F	2022	2022	22,5	F!D18163
RCEP F	2023	2023	20	F!E18163
RCEP F	2024	2024	17,5	F!F18163
RCEP F	2025	2025	15	F!G18163
RCEP F	2026	2026	12,5	F!H18163
RCEP F	2027	2027	10	F!I18163
VIFTA	2024	2024	21.4	VI!F17027
VIFTA	2025	2025	17.9	VI!G17027
VIFTA	2026	2026	14.3	VI!H17027
VIFTA	2027	2027	10.7	VI!I17027

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 9606.10 có 2 dòng thuế; dòng 9606.10.90 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Loại khác.	9606.10.10 Bằng plastic	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 9606.10.90. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 25% của mã 9606.10.90 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N18885), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.